

Đo lường phát triển kinh tế bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Lê Văn Hùng^(*)

Vũ Ngọc Quyên^(**)

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu về kinh nghiệm thực tiễn trong xây dựng các chỉ số đo lường liên quan tới phát triển kinh tế bền vững của các tổ chức quốc tế dựa trên ba hướng tiếp cận nổi bật, đó là tiếp cận theo mô hình tăng trưởng kinh tế xanh (OECD), tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) (Ngân hàng Thế giới), và phúc lợi cho con người (BCG). Nhìn chung, các bộ chỉ số này đều gắn yếu tố kinh tế với các vấn đề xã hội và môi trường, song mỗi trường hợp lại có cách tiếp cận riêng dựa trên mục đích cuối cùng của phát triển kinh tế bền vững mà tổ chức đó hướng đến. Những kết quả này giúp rút ra những điểm chung mang tính nền tảng trong xây dựng khung khổ đo lường và lựa chọn các chỉ số đo lường phát triển kinh tế bền vững, từ đó có thể đưa ra một số bài học kinh nghiệm và gợi ý trong xây dựng bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững cho Việt Nam nhằm đảm bảo tính khoa học và phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

Từ khóa: Phát triển kinh tế, Phát triển kinh tế bền vững, Đo lường

Abstract: The article examines practical experience in building indicators to measure sustainable economic development by international organizations based on three prominent approaches including the OECD's green growth model approach, the World Bank's progress approach to the implementation of the sustainable development goals (SDGs), and the BCG's welfare approach. While these sets of indicators all link economic factor to social and environmental issues, they have distinct approaches depending on the economic development goals that each organization aims at. The research results help to generalize the fundamental commonality in building a framework and indicators for measuring sustainable economic development and draw some lessons learnt in building a set of sustainable economic development indicators for Vietnam in a new context.

Keywords: Economic Development, Sustainable Economic Development, Measurement

Giới thiệu

Phát triển bền vững là khái niệm được bàn đến từ những năm 1980, song cho

đến nay nội hàm của khái niệm này vẫn là chủ đề thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, đặc biệt trong việc đo lường phát triển bền vững. Tính trừu tượng trong bản chất của khái niệm này là một phần lý do khiến việc lượng hóa phát triển bền vững khó thực hiện. Do đó, cách tiếp cận

^(*) TS., Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng;
Email: hunglevan78@gmail.com

^(**) ThS., Tổng Lãnh sự quán Úc tại Việt Nam,
nguyên cán bộ Viện Kinh tế Việt Nam.

phổ biến của các nhà nghiên cứu trong đo lường phát triển bền vững là áp dụng khung tam giác bền vững và cố gắng đảm bảo cân bằng ba yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong việc đo lường thông qua các chỉ số đại diện.

Phát triển kinh tế bền vững tuy nhấn mạnh đến một trong ba khía cạnh của tam giác bền vững là kinh tế, song yếu tố “bền vững” ở đây cần được hiểu rằng các vấn đề xã hội và môi trường vẫn phải được tính đến trong đo lường phát triển kinh tế bền vững. Trong nhiều thập kỷ đổi mới và phát triển, Việt Nam luôn gắn phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội, thể hiện qua các chủ trương và văn bản chỉ đạo có liên quan của Đảng, Nhà nước và Chính phủ. Phát triển kinh tế luôn đi liền với phát triển xã hội, mà đích đến cuối cùng chính là đảm bảo an sinh cho quốc gia và người dân. Các vấn đề về môi trường được bàn đến tương đối muộn khi Luật Bảo vệ môi trường lần đầu tiên được ban hành năm 1993. Gần hai thập kỷ sau đó, các vấn đề về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu mới được pháp lý hóa, chính thức gắn kết các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong các mục tiêu phát triển của quốc gia.

Để làm rõ hơn cơ sở và cách tiếp cận nhằm xây dựng các chỉ số đo lường phát triển kinh tế bền vững, bài viết tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về cách tiếp cận, khung khổ nhằm đưa ra các chỉ số đo lường liên quan tới phát triển kinh tế bền vững dưới các góc độ, mục tiêu khác nhau.

1. Đo lường dựa trên cách tiếp cận tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh, theo quan điểm của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (2011a), “là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế trong khi đảm bảo các

tài sản tự nhiên¹ tiếp tục đáp ứng được các dịch vụ có liên quan đến tài nguyên và môi trường mà chúng ta cần có để phát triển thịnh vượng. Để hiện thực hóa điều này, tăng trưởng xanh phải thúc đẩy đầu tư và đổi mới sáng tạo để tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững cũng như tạo ra các cơ hội kinh tế mới”. Cách tiếp cận thông qua đo lường tăng trưởng xanh tập trung vào lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng của nền kinh tế, cho biết mối quan hệ tương tác giữa nền kinh tế, nền tảng tài sản tự nhiên qua các chính sách can thiệp.

Tăng trưởng xanh do đó được coi là cách thức để thực hiện đồng thời tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế trong khi vẫn đảm bảo được các vấn đề về môi trường, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên (OECD, 2011b). Chính sách tăng trưởng xanh sẽ giúp khắc phục các rủi ro về môi trường thông qua các nguồn lực đầu tư mới. Đây chính là những thay đổi đột phá trong sử dụng nguồn lực cũng như tạo ra nguồn lực mới phục vụ tăng trưởng và phát triển. Nói cách khác, tăng trưởng xanh chính là cách thức để đảm bảo phát triển kinh tế một cách bền vững.

Các chỉ số tăng trưởng xanh của OECD nhằm giám sát tiến trình thực hiện bốn mục tiêu: (1) nền kinh tế các-bon thấp và sử dụng tài nguyên hiệu quả; (2) duy trì nền tảng tài sản thiên nhiên; (3) cải thiện chất lượng cuộc sống của con người; (4) áp dụng chính sách phù hợp nhằm hiện thực hóa các cơ hội tăng trưởng kinh tế xanh

¹ Tài sản tự nhiên (natural assets) khác với tài nguyên thiên nhiên (natural resources): tài nguyên thiên nhiên trở thành tài sản tự nhiên khi con người có quyền tiếp cận đến lợi ích của mình, dựa trên nguyên tắc dân chủ là tất cả cá nhân đều có quyền ngang nhau trong tiếp cận không khí sạch, nước sạch và các tài nguyên di sản chung (Boyce, 2001).

Bảng 1. Các chỉ số đo lường tăng trưởng xanh của OECD

Chiều cạnh	Chỉ số cụ thể
Kinh tế, xã hội và đặc điểm tăng trưởng	
Tăng trưởng kinh tế, năng suất và năng lực cạnh tranh	Tăng trưởng/cơ cấu GDP, năng suất lao động, xuất nhập khẩu, chỉ số giá tiêu dùng (CPI), giá cả
Thị trường lao động, giáo dục và thu nhập	Tham gia thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp, tăng dân số, tuổi thọ trung bình, bất bình đẳng, trình độ học vấn
(i) Năng suất môi trường và tài nguyên của nền kinh tế	
Năng suất các-bon và năng lượng	Năng suất CO ₂ , năng suất/tiêu dùng năng lượng, tỷ lệ năng lượng tái tạo
Năng suất tài nguyên	Năng suất nguyên vật liệu (phi năng lượng), năng suất nước, năng suất đa nhân tố điều chỉnh theo môi trường
(ii) Nền tảng tài sản tự nhiên	
Trữ lượng tài nguyên	Chỉ số tài nguyên thiên nhiên (theo tiền tệ)
Trữ lượng tài nguyên tái tạo	Tài nguyên nước ngọt, rừng, thủy sản
Trữ lượng tài nguyên không thể tái tạo	Khoáng sản
Đa dạng sinh học và hệ sinh thái	Tài nguyên đất phù, đất mặt, động vật hoang dã
(iii) Chiều cạnh môi trường của chất lượng cuộc sống	
Sức khỏe và rủi ro môi trường	Các vấn đề sức khỏe do môi trường, tiếp xúc với các rủi ro tự nhiên hoặc công nghiệp và các thiệt hại kinh tế liên quan
Dịch vụ và tiện nghi môi trường	Tiếp cận nước sạch, xử lý chất thải
Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chỉ tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D) liên quan tới năng lượng tái tạo/công nghệ môi trường, bằng sáng chế/đổi mới sáng tạo liên quan tới tăng trưởng xanh
Dòng tài chính quốc tế về tăng trưởng xanh	Viện trợ phát triển chính thức (ODA), cấp vốn thị trường các-bon, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)
Giá cả và chuyển giao	Thuế và trợ cấp liên quan tới môi trường, định giá năng lượng
Quy định và cách tiếp cận về quản lý	Tiếp tục được xây dựng
Đào tạo và phát triển kỹ năng	

Nguồn: OCED (2017).

(OECD, 2017; Xem thêm: Bảng 1). Các mục tiêu này gắn với quan điểm phát triển kinh tế bền vững của OECD dưới hình thức xanh hóa nền kinh tế và đảm bảo nền tảng nguồn lực cho phát triển trong hiện tại và tương lai. Ba mục tiêu đầu phản ánh cách tiếp cận dựa trên tam giác bền vững cùng với mục tiêu thứ tư nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa việc sử dụng/tiêu dùng ở hiện tại và tạo ra cơ hội để tiếp tục phát triển trong tương lai. Điều này cũng phản ánh một khía cạnh vốn có trong quan điểm về bền vững của OECD, đó là phát triển phải đảm bảo sự công bằng với thế hệ tương lai.

Cách tiếp cận của OECD trong việc giám sát tiến trình thực hiện tăng trưởng xanh tập trung vào lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng của nền kinh tế. Cách tiếp cận này phản ánh các quan hệ tương tác giữa

nền kinh tế, nền tảng tài sản tự nhiên và các chính sách can thiệp.

Nền kinh tế được xem xét từ đầu vào, sản xuất, đầu ra cho tới tiêu dùng. Đầu vào gồm có lao động, vốn và nguồn lực sản xuất (năng lượng và nguyên vật liệu thô). Các yếu tố này có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng đầu ra, đặc biệt là vốn tài sản tự nhiên. Nhiều quốc gia đạt tăng trưởng kinh tế nhưng đồng thời phải gánh chịu những hậu quả về môi trường do việc khai thác tài sản tự nhiên quá mức. Các công trình xây dựng cùng với quá trình đô thị hóa cũng có tác động lớn tới mức độ thực phủ của đất (*land cover*) dẫn đến môi trường sống bị chia cắt và mất dần. Những vấn đề này được gọi chung là nền tảng tài sản tự nhiên, có tác động lớn tới chất lượng môi trường sống của con người và các loài khác.

Nền kinh tế và nền tảng tài sản tự nhiên có mối quan hệ qua lại đối với các phản ứng chính sách và cơ hội kinh tế. Bối cảnh kinh tế - xã hội và các đặc điểm tăng trưởng cùng với nền tảng tài sản tự nhiên thúc đẩy các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, môi trường và tạo ra các cơ hội kinh tế mới cho phát triển. Ngược lại, các chính sách được hoạch định và thực hiện cũng có tác động đối với nền kinh tế và nền tảng tài sản tự nhiên theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Do đó, sự cân bằng cần đạt tới là tăng trưởng kinh tế theo hướng xanh, thúc đẩy đầu tư và đổi mới để tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững cũng như tạo ra các cơ hội kinh tế mới.

2. Đo lường dựa trên cách tiếp cận phát triển bền vững

Đo lường phát triển kinh tế là một trong sáu nhóm chủ đề thuộc Bộ chỉ số đo lường phát triển của Ngân hàng Thế giới (WB). Bộ chỉ số này được xây dựng dựa trên việc giám sát tiến trình thực hiện các

mục tiêu phát triển bền vững của các quốc gia, trong đó nhấn mạnh các vấn đề phát triển toàn cầu và chống đói nghèo, với số liệu thu thập theo chuỗi thời gian trên 50 năm. Các chỉ số đo lường mức độ phát triển về kinh tế, mức độ cải thiện cuộc sống, tiến trình tiến tới phát triển bền vững, mức độ hỗ trợ các nhóm dân số dễ bị tổn thương và thu hẹp khoảng cách giới.

Mặc dù các nhóm chỉ số đo lường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, song nhóm chỉ số đo lường phát triển kinh tế của WB chỉ là một trong sáu chiều cạnh được đo lường. Các nhóm khác gồm: (i) nghèo đói và chia sẻ sự thịnh vượng, (ii) con người, (iii) môi trường, (iv) nhà nước và thị trường, (v) kết nối toàn cầu. Điều này cho thấy nhóm chỉ số đo lường phát triển kinh tế của WB cần được kết hợp với các nhóm chỉ số khác để có bức tranh tổng thể và đánh giá mức độ phát triển bền vững của một quốc gia một cách toàn diện hơn.

Bảng 2. Chỉ số đo lường phát triển kinh tế của WB

Chiều cạnh	Chỉ số cụ thể
Quy mô nền kinh tế	Dân số; Diện tích tự nhiên; Mật độ dân số; Tổng thu nhập quốc dân (GNI); GNI theo bình quân đầu người; GNI theo sức mua tương đương (PPP); GNI bình quân đầu người theo sức mua tương đương (PPP); Tốc độ tăng GDP; Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người
Chăm dứt đói nghèo và cải thiện cuộc sống	Tỷ lệ phân bổ thu nhập hoặc tiêu dùng; Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng; Tỷ lệ thai phụ tử vong; Tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi; Mức độ lây nhiễm HIV trong độ tuổi từ 15-49; Mức độ lây nhiễm bệnh lao phổi; Số ca tử vong do tai nạn giao thông đường bộ; Tỷ lệ tốt nghiệp giáo dục phổ thông; Tỷ lệ lao động gia đình là nam giới; Tỷ lệ lao động gia đình là nữ giới; Năng suất lao động
Thúc đẩy bền vững	Tỷ lệ dân số sử dụng nước uống sạch và đảm bảo vệ sinh; Tỷ lệ dân số sử dụng các dịch vụ vệ sinh môi trường; Tỷ lệ dân số tiếp cận điện; Tỷ lệ tiêu dùng năng lượng tái tạo; Chi tiêu cho R&D; Tỷ lệ dân số thành thị sống tại các khu ổ chuột; Ô nhiễm không khí do bụi mịn PM2.5; Tỷ lệ tiết kiệm rừng được điều chỉnh; Phát thải CO ₂ ; Diện tích bảo tồn trên cạn và dưới nước; Số vụ án mạng có chủ đích; Phần trăm dân số sử dụng Internet
Củng cố hợp tác	ODA, Mức tiếp cận tới thị trường tiêu dùng phát triển của các quốc gia kém phát triển nhất; Hỗ trợ nông nghiệp (phần trăm GDP)
Phụ nữ và phát triển	Tuổi thọ bình quân của nam và nữ; Phụ nữ lập gia đình lần đầu năm 18 tuổi; Nam giới là chủ tài khoản tại một tổ chức tài chính hoặc với một nhà cung cấp dịch vụ tiền tệ di động; Nữ giới là chủ tài khoản tại một tổ chức tài chính hoặc với một nhà cung cấp dịch vụ tiền tệ di động; Số lao động được trả lương là nam giới; Số lao động được trả lương là nữ giới; Số doanh nghiệp có chủ sở hữu là nữ giới; Nữ giới ở vị trí quản lý cấp cao và cấp trung; Nữ giới trong nghị viện; Chỉ số về nữ giới trong kinh doanh và luật pháp

Nguồn: Cơ sở dữ liệu về chỉ số phát triển kinh tế của WB, <http://wdi.worldbank.org/table>

Nhóm chỉ số đo lường phát triển kinh tế hướng đến hai mục tiêu thiên niên kỷ số 8 (thúc đẩy việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế) và số 2 (thúc đẩy tiêu dùng và sản xuất bền vững). Mục tiêu chính là đo lường phát triển kinh tế nên các chỉ số được thiết kế nhằm lượng hóa được mức độ phát triển này theo năm khía cạnh, gồm: (1) quy mô nền kinh tế; (2) chấm dứt đói nghèo và cải thiện cuộc sống; (3) thúc đẩy bền vững; (4) củng cố hợp tác; (5) phụ nữ và phát triển. Trong đó có 9 chỉ số đo lường quy mô nền kinh tế; 11 chỉ số liên quan đến đói nghèo và cải thiện cuộc sống; 12 chỉ số gắn với thúc đẩy phát triển bền vững; 7 chỉ số về củng cố hợp tác; và 10 chỉ số liên quan đến phụ nữ và phát triển. Mỗi chỉ số phụ được trình bày về tên gọi, tóm lược về phương pháp tổng hợp và mức độ liên quan đến phát triển (Xem: Bảng 2).

Mặc dù đặt trọng tâm là đo lường kinh tế song các nhóm chỉ số phụ trong đo lường kinh tế của WB cũng phản ánh tương đối toàn diện các vấn đề kinh tế, xã hội, vấn đề tiêu dùng và bảo đảm cân bằng nguồn lực tự nhiên, đồng thời cũng cho thấy mức độ cải thiện (hoặc không cải thiện) nhất định về phúc lợi của người dân.

3. Đo lường dựa trên cách tiếp cận phúc lợi

3.1. Bộ chỉ số phúc lợi

Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) (2020), đo lường và thống kê kinh tế cần được tiếp cận theo cách lấy con người làm trung tâm và phúc lợi làm ưu tiên hàng đầu, trong đó chú trọng đến các vấn đề về bất bình đẳng, tác động môi trường và tác động của số hóa. Phúc lợi bao gồm cả những khía cạnh vô hình không thể trao đổi trên thị trường, chẳng hạn như hạnh phúc, lòng tin, hay đa dạng sinh học. Phúc lợi kinh tế là một phần của phúc lợi, liên quan đến tiêu dùng trong hiện tại và lâu dài cũng như các nguồn lực cho phép tiêu dùng (thu nhập, sự giàu có toàn diện,...). Nói cách khác, đo lường

phúc lợi kinh tế dựa trên cả tiêu dùng hiện tại và tiêu dùng bền vững.

Tiêu dùng trong hiện tại tính đến lợi ích từ việc tiêu dùng các loại hàng hóa, dịch vụ mang tính thị trường, bán thị trường (near-market) hoặc phi thị trường (non-market). Trong khi đó, tiêu dùng lâu dài xem xét dòng tiêu dùng có thể có được trong tương lai, giúp phát huy được tác dụng của tiết kiệm ròng, của cải và tính đến các tác động do môi trường xuống cấp (như giảm tuổi thọ). Tiêu dùng bền vững được đo bằng thu nhập khả dụng ròng thực tế (real net disposable income). Thu nhập khả dụng ròng cho biết các nguồn lực được sử dụng cho việc tiêu dùng hiện tại hoặc cho tiết kiệm, có tính đến khấu hao, thuế và chuyển nhượng.

Trong nền kinh tế số hóa như hiện nay, việc đo lường phúc lợi kinh tế càng khó khăn hơn bởi nhiều sản phẩm số là miễn phí (ngoại trừ một số khía cạnh như chi phí thời gian xem quảng cáo, chi phí vô hình của việc cung cấp dữ liệu cá nhân của người dùng/người xem). Một số sản phẩm số khác cho phép người tiêu dùng có thể thực hiện những việc mà trước đây không thể làm. Trong những trường hợp như vậy, rất khó để đo lường đầy đủ phúc lợi mà con người có được.

Chỉ số phúc lợi kinh tế của IMF được xây dựng để đo lường những khía cạnh thường bị bỏ qua trong việc tính toán đơn thuần về các chỉ số liên quan đến GDP (Xem bảng 3). GDP bao gồm các hoạt động sản xuất thị trường và bán thị trường của chính phủ, các cơ quan phi lợi nhuận và hộ gia đình¹. Phúc lợi kinh tế cũng bao gồm cả

¹ Sản xuất bán thị trường của hộ gia đình gồm nhà ở do chủ sở hữu sử dụng, hàng hóa hộ gia đình tự sản xuất và tiêu dùng. Điện mặt trời của hộ gia đình cũng được coi là một loại sản phẩm bán thị trường, trong khi pin mặt trời trong tài khoản quốc gia được xem là tài sản cố định.

Bảng 3. Các chỉ số đo lường phúc lợi kinh tế của IMF

Các chiều cạnh	Chỉ số cụ thể
Thu nhập thực tế	
<i>Toàn nền kinh tế</i>	Thu nhập quốc nội; Thu nhập quốc gia; Thu nhập khả dụng
<i>Hộ gia đình</i>	Các khoản thu nhập chính; Thu nhập khả dụng
<i>Hộ gia đình, với các khoản chuyển giao bằng hiện vật</i>	Thu nhập khả dụng điều chỉnh
Tiêu dùng cuối cùng thực tế	
<i>Hộ gia đình</i>	Chỉ tiêu tiêu dùng cuối cùng
<i>Hộ gia đình, với các khoản chuyển giao bằng hiện vật</i>	Tiêu dùng cuối cùng thực tế
Giá cả/giảm phát	
<i>Toàn nền kinh tế</i>	Giảm phát đối với tổng chỉ tiêu cuối cùng quốc nội
<i>Hộ gia đình</i>	Giảm phát đối với chỉ tiêu tiêu dùng cuối cùng
<i>Hộ gia đình, với các khoản chuyển giao bằng hiện vật</i>	Giảm phát đối với tiêu dùng cuối cùng thực tế
Mức độ giàu có	
<i>Toàn nền kinh tế</i>	Tài sản phi tài chính; Vị thế đầu tư quốc tế
<i>Hộ gia đình</i>	Tài sản, nợ phải trả, giá trị ròng

Nguồn: IMF (2020: 12).

sản xuất phi thị trường, chẳng hạn như việc nội trợ không được trả lương hoặc công việc tình nguyện. Do đó, bất bình đẳng và phân bổ về phúc lợi kinh tế trong phạm vi hộ gia đình cũng là những khía cạnh của tổng phúc lợi kinh tế của một quốc gia.

Những tác động tích cực và tiêu cực của nền kinh tế số đối với phúc lợi nói chung và phúc lợi kinh tế nói riêng là một ví dụ cho thấy sự cần thiết phải xem xét và đo lường phúc lợi. Tác động tích cực của số hóa đối với phúc lợi kinh tế thường được bàn đến nhiều hơn, trong khi tác động tiêu cực của Internet đối với phúc lợi của con người, như hạnh phúc, sức khỏe, tính thù địch, hay bất ổn xã hội, thì thường không được tính đến. Chi phí của việc thu thập thông tin cá nhân cũng cần được xem xét trong việc phân tích kinh tế số và phúc lợi kinh tế.

Khung phân tích về phúc lợi kinh tế cho thấy phúc lợi kinh tế bao gồm các chỉ số thuộc hệ thống tài khoản quốc gia (System of National Accounts - SNA) và là một phần của phúc lợi nói chung. Ngoài các chỉ số phúc lợi kinh tế thuộc SNA, các khía cạnh đo lường bổ sung gồm phân phối thu

nhập khả dụng, tiêu dùng, mức độ giàu có; tiếp cận các dịch vụ tài chính; sản xuất phi thị trường và thời gian tiêu tốn của hộ gia đình, cùng với tác động của số hóa đối với các hoạt động này; vốn và sự cạn kiệt về tài nguyên thiên nhiên, khả năng bền vững về môi trường; và vốn con người.

3.2. Hệ số chuyển đổi sự giàu có thành phúc lợi

Kể từ năm 2012, hằng năm Tập đoàn Tư vấn Boston (Boston Consulting Group - BCG) đều đưa ra báo cáo đánh giá về phát triển kinh tế bền vững (sustainable economic development assessment - SEDA). SEDA được coi là một hệ số đo lường mức độ bền vững về phát triển kinh tế, qua đó cho biết quốc gia nào có khả năng chuyển đổi sự giàu có về kinh tế thành phúc lợi cho người dân.

Thúc đẩy phúc lợi của người dân là mục tiêu cơ bản của mỗi quốc gia và chính phủ. Mặc dù vậy, trên thực tế, các nhà hoạch định chính sách thường nhận định mục tiêu này mâu thuẫn và đối đầu với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Báo cáo SEDA năm 2018 của BCG đã chứng minh hai mục tiêu này

hoàn toàn có thể tồn tại song song: các quốc gia chuyển đổi sự giàu có về kinh tế thành phúc lợi tốt hơn có xu hướng tăng trưởng kinh tế cao hơn và khả năng chống chịu/hồi phục tốt hơn trước các cú sốc và khủng hoảng. Sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phúc lợi cho người dân được xem là ý tưởng chủ đạo của BCG về phát triển kinh tế bền vững. Chính vì vậy, theo BCG, theo đuổi mục tiêu kép về tăng trưởng và phúc lợi nên trở thành mục đích của các chiến lược phát triển dài hạn của các quốc gia.

SEDA được cho là thước đo tương đối khách quan, dựa trên số liệu tổng hợp và số liệu bán khách quan thu thập qua khảo sát và đánh giá của chuyên gia. Hệ số này không bao gồm các thước đo theo nhận thức chủ quan thuần túy, ví dụ như các thước đo sử dụng để xây dựng chỉ số hạnh phúc trong Báo cáo Hạnh phúc thế giới (World Happiness Report). Mặc dù vậy, kết quả đánh giá cho thấy có mối tương quan đồng biến (positive correlation) giữa điểm số về chỉ số hạnh phúc và điểm số SEDA.

SEDA được thiết kế để đo lường phúc lợi (well-being) và đánh giá hiệu quả của việc các quốc gia chuyển đổi sự giàu có về kinh tế thành phúc lợi cho người dân, hay còn gọi là *hệ số chuyển đổi giàu có thành phúc lợi* (wealth-to-well-being coefficient). Hệ số này so sánh điểm SEDA của một quốc gia với điểm tương ứng với GNI theo đầu người của quốc gia đó. Các quốc gia có hệ số chuyển đổi giàu có thành phúc lợi bằng 1 đang tạo ra phúc lợi tương đương với kỳ vọng ở mức thu nhập tương ứng của họ. Quốc gia có hệ số này lớn hơn 1 đang tạo ra phúc lợi cao hơn kỳ vọng ở mức thu nhập tương ứng của họ. Ngược lại, các quốc gia có hệ số này nhỏ hơn 1 đang tạo ra phúc lợi thấp hơn mức kỳ vọng so với thu nhập tương ứng của họ.

SEDA định nghĩa phúc lợi theo 10 chiều cạnh được phân thành ba nhóm, gồm kinh tế, đầu tư và bền vững. Điểm số theo 10 chiều cạnh được gán trọng số khác nhau (2, 1 và 0,5), sau đó được tổng hợp thành điểm số chung cho từng quốc gia. Điểm số này giúp đánh giá một quốc gia trong tương

Bảng 4: Các chỉ số đo lường SEDA của BCG

Các chiều cạnh	Chỉ số cụ thể
Kinh tế (<i>Thu nhập, ổn định kinh tế, việc làm</i>)	GDP bình quân đầu người, sức mua tương đương; Lạm phát, giá tiêu dùng bình quân; Biến động tỷ lệ lạm phát; Biến động tăng trưởng GDP; Tỷ lệ lao động thất nghiệp; Tỷ lệ lao động có việc làm trong độ tuổi 15-64
Đầu tư (<i>Y tế, Giáo dục, Hạ tầng</i>)	Tuổi thọ trung bình; Tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi; Tỷ lệ nhiễm HIV; Tỷ lệ mắc bệnh lao; Tỷ lệ suy dinh dưỡng; Dân số béo phì; Tiêm phòng bạch hầu, ho gà và uốn ván; Tiêm phòng sởi; Số bác sĩ, giường bệnh trên 1 nghìn dân; Tỷ lệ nhập học bậc đại học; Trung bình số năm đi học; Tỷ lệ học sinh trên giáo viên bậc tiểu học; Điểm trung bình các môn toán và khoa học; Số người dùng Internet trên 1 nghìn dân; Số đăng ký thuê bao di động trên 100 dân; Chất lượng hệ thống đường bộ; Chất lượng hạ tầng đường sắt; Phần trăm dân số được tiếp cận nước sạch; Cải thiện về công trình vệ sinh; Chất lượng cung cấp điện
Bền vững (<i>Bình đẳng, Xã hội dân sự, Quản trị, Môi trường</i>)	Hệ số Gini; Bất bình đẳng về giáo dục; Bất bình đẳng về tuổi thọ trung bình; Hoạt động dân sự; Mức độ tin cậy và an toàn giữa các cá nhân; Mức độ gắn kết giữa các nhóm; Bất bình đẳng giới; Kiểm soát tham nhũng; Thượng tôn pháp luật; Ổn định chính trị, không có bạo lực và khủng bố; Tiếng nói và trách nhiệm giải trình; Chỉ số quyền tài sản; Chỉ số chất lượng không khí; Cường độ CO ₂ ; Diện tích bảo tồn trên cạn và dưới biển trên tổng diện tích lãnh thổ; Sản xuất điện từ các nguồn tái tạo, ngoại trừ thủy điện

Nguồn: BCG (2018: 23-24).

quan so sánh với tất cả các quốc gia khác, hoặc theo nhóm các quốc gia riêng biệt, có trong hệ thống dữ liệu. Các chiều cạnh của SEDA cũng cung cấp một khung khổ để đánh giá lại các ưu tiên nhằm có biện pháp điều chỉnh phù hợp để giải quyết những vấn đề cấp thiết nhất.

SEDA được tính toán theo ba chiều cạnh là: *Kinh tế* gồm ba nhóm là thu nhập, ổn định kinh tế và việc làm (cụ thể hóa thành 6 chỉ số); *Đầu tư* gồm các nhóm về y tế, giáo dục và hạ tầng (21 chỉ số); và *Mức độ bền vững* gồm các nhóm môi trường, quản trị, xã hội dân sự và bình đẳng (16 chỉ số) (Xem: Bảng 4).

4. Kết luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua tìm hiểu các bộ chỉ số đo lường liên quan tới phát triển kinh tế của các tổ chức quốc tế như OECD, WB, IMF và BCG, một đặc điểm chung dễ nhận thấy là các bộ chỉ số đều tập trung vào khía cạnh kinh tế song vẫn cố gắng bao quát các khía cạnh xã hội và môi trường có thể lượng hóa được. Mặc dù vậy, cách tiếp cận trong xây dựng các bộ chỉ số là khác nhau và tùy thuộc vào mục đích đo lường của mỗi bộ chỉ số. Do đó, các vấn đề về xã hội và môi trường, đặc biệt là phúc lợi của người dân được lồng ghép với mức độ khác nhau về cả số lượng chỉ số cũng như tính liên quan của các chỉ số đó.

Bộ chỉ số đo lường tăng trưởng xanh của OECD được thiết kế công phu và chi tiết nhằm đo lường các khía cạnh quan trọng, giúp giám sát được tiến trình thực hiện tăng trưởng xanh của các quốc gia. Bởi mục đích là đo lường mức độ xanh hóa trong tăng trưởng kinh tế nên bộ chỉ số này đặt trọng tâm vào mối quan hệ “tam giác” với sự tương tác qua lại giữa các hoạt động kinh tế, nền tảng tài sản tự nhiên và chất lượng cuộc sống của con người. Bao trùm mối quan hệ này là các phản ứng chính sách

mang tính điều chỉnh, định hướng và cân bằng sự tương tác giữa ba yếu tố trên. Bên cạnh đó, bộ chỉ số đo lường tăng trưởng xanh tập trung vào các vấn đề hiện tại và mức độ xanh hóa của nền kinh tế. Chính vì vậy, các khía cạnh so sánh giữa hiện tại với quá khứ chưa được thể hiện rõ để nhận biết rõ hơn mức độ tiến bộ và xanh hóa của nền kinh tế. Phúc lợi của người dân, nếu đặt chất lượng cuộc sống của con người là đích đến cuối cùng của phát triển kinh tế, chưa được nhấn mạnh trong bộ chỉ số này, ngoại trừ một số khía cạnh về chất lượng môi trường sống của con người.

Bộ chỉ số đo lường phát triển kinh tế của WB được tiếp cận theo hướng phục vụ giám sát tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Đây là một bộ chỉ số mang tính tổng hợp rất cao, cả về các khía cạnh đo lường và mức độ trải rộng của dữ liệu theo thời gian, được áp dụng cho việc đo lường hằng năm và có thể so sánh được giữa các quốc gia. Tính bền vững trong đo lường phát triển kinh tế của WB cũng được nhấn mạnh qua các khía cạnh là tăng trưởng bền vững, việc làm bền vững, thúc đẩy tiêu dùng và sản xuất bền vững. Bộ chỉ số này cũng thể hiện mục tiêu xuyên suốt và thường trực của WB là đẩy lùi đói nghèo, cải thiện cuộc sống, trong đó vấn đề giới và vai trò của phụ nữ cũng được coi trọng với 20% số lượng chỉ số đo lường. Trong bộ chỉ số này, có nhiều chỉ số thống kê cơ bản mà các quốc gia đều có thể thu thập số liệu dễ dàng.

Cùng với trọng tâm đo lường phúc lợi của phát triển kinh tế, BCG và IMF cũng có các cách tiếp cận khác nhau trong xây dựng các chỉ số. Nếu BCG đưa ra các chỉ số đo lường theo các nhóm dân số khác nhau thì bộ chỉ số của IMF lại quan tâm nhiều hơn đến hộ gia đình. So với BCG, các chỉ số của IMF tập trung nhiều vào đo lường các dòng tài chính và dòng tiền

- một đặc điểm rất đặc trưng của tổ chức này, đồng thời cũng cho thấy một cách nhìn về hiệu quả phát triển kinh tế và phúc lợi dưới góc độ tài chính, tiền tệ. Bên cạnh đó, IMF nhấn mạnh phúc lợi kinh tế chỉ là một phần của phúc lợi, do đó các khía cạnh như y tế, giáo dục, môi trường, hệ sinh thái không được đưa vào bộ chỉ số đo lường phúc lợi kinh tế của tổ chức này. Cách tiếp cận của BCG mang tính bao quát hơn khi đo lường phúc lợi nói chung và phát triển kinh tế suy cho cùng phải đạt được mục đích phúc lợi này.

Các bộ chỉ số được trình bày ở trên tuy khác nhau nhưng đều cho thấy tính đặc trưng và đặc thù của các tổ chức chủ trì và khởi xướng. Điều này có thể được diễn giải thêm qua một số bài học kinh nghiệm được rút ra như sau:

Thứ nhất, cách tiếp cận và mục đích xây dựng bộ chỉ số đo lường cần được xác định rõ ràng trước khi xây dựng bộ chỉ số. Những nội hàm khái niệm như phát triển kinh tế, bền vững và phúc lợi hoặc an sinh cần được định nghĩa và cụ thể hóa ở mức tối đa có thể. Vấn đề này có vai trò quan trọng trong việc định hướng các nội dung và khía cạnh cần tập trung, từ đó mới có thể chi tiết hóa các chỉ số đo lường.

Thứ hai, nguồn lực và tính khả thi trong đo lường là các yếu tố nền tảng cho việc xây dựng chỉ số phù hợp với mục tiêu đặt ra. Không phải tổ chức nào cũng có nền tảng vững chắc và nguồn lực lớn như WB để có thể đưa ra một bộ số liệu có độ bao phủ rộng như vậy. Các quốc gia thuộc OECD đều có trình độ phát triển cao nên hệ thống thống kê tại các quốc gia này đảm bảo nền tảng cho rất nhiều bộ chỉ số khác nhau có tính khả thi về số liệu và phương pháp đo lường. Bộ chỉ số của BCG cũng được đo lường trên nền tảng dữ liệu của WB, IMF và các cơ sở dữ liệu lớn khác. Điều này cho thấy, BCG đã cân nhắc đến

khả năng về nguồn lực và tính khả thi về số liệu, cũng là một hướng lựa chọn phù hợp với năng lực đáp ứng của tổ chức này. Mặc dù vậy, cần nhấn mạnh rằng điều đó không có nghĩa là SEDA không mang tính chính thống và xác thực. SEDA cũng nhận được nhiều phản hồi tích cực về tính giản đơn, dễ hiểu và dễ đo lường của các chỉ số trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu đo lường phúc lợi từ phát triển kinh tế cho các quốc gia.

Thứ ba, mức độ lồng ghép các nhóm chỉ số ngoài khía cạnh kinh tế cần được cân nhắc. Mỗi bộ chỉ số ở trên đều khác nhau về mức độ lồng ghép các vấn đề y tế, giáo dục, môi trường và các khía cạnh khác. Do bộ chỉ số đo lường phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam sẽ được xây dựng song song với các bộ chỉ số khác nữa, hướng đến mục tiêu chung là đảm bảo an sinh quốc gia, nên việc lồng ghép khía cạnh nào, ở mức độ nào (chi tiết hóa qua các chỉ số thành phần) cần được tính toán trong nguồn lực cho phép, đồng thời để hạn chế sự trùng lặp quá nhiều giữa các bộ chỉ số đo lường an sinh quốc gia.

Như vậy, kinh nghiệm quốc tế cho thấy những nỗ lực đo lường phát triển kinh tế bền vững đã được nhiều tổ chức đầu tư thực hiện. Việc xây dựng một bộ chỉ số riêng cho Việt Nam không phải là điều không khả thi nếu tận dụng và kế thừa được những kinh nghiệm của các tổ chức này, đặc biệt khi tính tới tính khả thi về số liệu và phương pháp đo lường. Việc xây dựng bộ chỉ số đo lường thực sự có ý nghĩa đối với công tác theo dõi, giám sát và đánh giá trực trạng phát triển kinh tế theo hướng bền vững khi Việt Nam đã trở thành nước thu nhập trung bình □

Tài liệu tham khảo

1. BCG (2018), “Striking a balance between well-being and growth”, *The 2018 Sustainable Economic*

- Development Assessment*, https://www.pzu.pl/_files/asset/item/1514253, truy cập ngày 06/6/2021.
2. Boyce, J. (2001), From natural resources to natural assets. *Environmental and Occupational Health Policy*, 11(3): 267-88, https://www.researchgate.net/publication/6591977_From_Natural_Resources_to_Natural_Assets), truy cập ngày 05/6/2021.
 3. IMF (2020), “Measuring economic welfare: What and how?”, *Policy Paper* No. 2020/028, Washington, International Monetary Fund, D.C., <https://www.imf.org/en/Publications/Policy-Papers/Issues/2020/05/18/Measuring-Economic-Welfare-What-and-How-49438>, truy cập ngày 05/6/2021.
 4. OECD (2011a), *Towards Green Growth*, OECD Green Growth Studies, OECD Publishing, Paris, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264111318-en>, truy cập ngày 06/6/2021.
 5. OECD (2011b), *OECD work on sustainable development, Better Policies for Better Lives*, <https://www.oecd.org/greengrowth/47445613.pdf>, truy cập ngày 06/6/2021.
 6. OCED (2017), “The OECD set of green growth indicators”, *Green Growth Indicators 2017*. OECD Green Growth Studies, <https://www.oecd.org/env/green-growth-indicators-2017-9789264268586-en.htm>, truy cập ngày 06/6/2021.
 7. Worldbank (2021), *World Development Indicators*, <http://wdi.worldbank.org/table>, truy cập ngày 06/6/2021.

(tiếp theo trang 11)

19. Pant, Harsh V. (2016), *Indian foreign policy: An Overview*, Manchester University Press, Manchester, pp. 97-211.
20. Rahul Roy-Chaudhury (2018), “India’s perspective towards China in their shared South Asian neighbourhood: Cooperation versus competition”, *Contemporary Politics*, Vol. 24, No. 1, pp. 98-112.
21. Rana, K.S. (2018), “Indian foreign policy: Changing requirements and India’s response”, *Economic and Political Weekly*, Vol. 53, No. 31, pp. 19-23.
22. Ranjan, Amit (2019), “India’s South Asia policy: changes, continuity or continuity with changes”, *The Round Table*, Vol. 108, No. 3, pp. 259-274.
23. Singh, Swaran (2004), *China - South Asia: issues, equations, policies*, Lancer Books, New Delhi.
24. Sinha, U.K. (2015), “Modi’s journey through neighbourhood”, in: A. Ganguly (ed., 2015), *Redefining governance: Essays on one year of Narendra Modi government*, Prabhat Prakashan, New Delhi, pp. 174-180.
25. Trần Nam Tiến (2012), “Chiến lược “chuỗi ngọc trai” và mục tiêu trở thành cường quốc biển của Trung Quốc trong thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1(125).
26. Upadhyaya, Shishir (2020), *India’s Maritime Strategy: Balancing regional ambitions and China*, Routledge, New Delhi, p. 66.
27. Vinay Kaura and Meena Rani (2020), “India’s Neighbourhood Policy During 2014-2019: Political context and policy outcomes”, *Indian Journal of Public Administration*, Vol. 66, No. 2, pp. 10-27.
28. Yuan, Jingdong (2019), “China’s Belt and Road Initiative in South Asia and the Indian Response”, *Issues and Studies*, Vol. 55, No. 2, pp. 1-27.